

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/DS-ST
Ngày: 18-11-2019
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Như Học;

Bà Nguyễn Hồng Nhiếp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Ngọc H, sinh năm 1974 (có mặt).

Nơi cư trú: Khóm 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Lâm Văn V, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1977 (vợ ông V; ông V và bà T vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Khóm 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lâm Tịnh N, sinh năm 2004 (con ruột bà T và ông V, vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 5 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Ngọc H trình bày yêu cầu:*

Bà Phạm Ngọc H yêu cầu vợ chồng ông Lâm Văn V và bà Nguyễn Thị Thu T thanh toán số tiền vay vốn và lãi suất là 15.700.000 đồng, cụ thể như sau:

Ngày 13/12/2013 (âm lịch) vợ chồng ông Lâm Văn V và bà Nguyễn Thị Thu T có làm hợp đồng sang bán cho bà H 01 căn nhà và đất ngang 5,1m, dài 14m tại khóm 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau nhằm vay của bà H số tiền 20.000.000

đồng. Vài ngày sau khi làm hợp đồng thì bà T tiếp tục vay thêm của bà H 5.000.000 đồng. Tổng cộng bà T và ông V vay của bà H số tiền 25.000.000 đồng. Giữa các bên có thỏa thuận, hàng tháng vợ chồng ông V và bà T phải đóng lãi cho bà H 1.000.000 đồng/tháng/25.000.000 đồng nhưng ông V và bà T chỉ đóng lãi được 02 tháng bằng 3.000.000 đồng. Sau 08 tháng kể từ ngày vay, bà T và ông V đã trả cho bà H 20.000.000 đồng tiền vốn.

Do phía vợ chồng ông V và bà T vi phạm nghĩa vụ trả lãi hàng tháng và trả nợ gốc nên bà H yêu cầu ông V, bà T phải thanh toán cho bà H số tiền vốn vay là 5.000.000 đồng, lãi suất của số tiền 25.000.000 đồng/08 tháng bằng 3.300.000 đồng, lãi suất theo quy định Nhà nước đối với khoản vay 5.000.000 đồng tính từ tháng 10/2014 âm lịch đến nay bằng 4.400.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 06/01/2019 (âm lịch) bà T có vay không lãi (mượn) của bà H số tiền 3.000.000 đồng, hứa hẹn vài ngày sẽ thanh toán và trả luôn nợ cũ nhưng đến nay bà T vẫn không thực hiện.

Tại đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 15/10/2019, bà Phạm Ngọc H trình bày: Yêu cầu vợ chồng ông Lâm Văn V và bà Nguyễn Thị Thu T thanh toán cho bà số tiền vay vốn là 8.000.000 đồng (trong đó có 3.000.000 đồng tiền mượn). Đối với hợp đồng đảm bảo vay nợ nêu trên, nay bà H không yêu cầu gì.

** Đối với bị đơn vợ chồng ông Lâm Văn V, bà Nguyễn Thị Thu T:*

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông V, bà T không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà H khởi kiện. Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vợ chồng ông V, bà T vẫn vắng mặt 02 lần không có lý do.

** Tại văn bản ý kiến, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lâm Tịnh N trình bày:* Chị N có mượn của bà H số tiền 4.000.000 đồng nhưng đã đưa cho bà T (mẹ chị N) trả vốn và lãi rồi, những gì bà H nộp lên Tòa là sai. Chị N chưa bao giờ nợ bà H số tiền 10.000.000 đồng.

** Tại phiên tòa:*

- Bà Phạm Ngọc H ý kiến: Bảo lưu quan điểm nêu trên, yêu cầu vợ chồng ông Lâm Văn V và bà Nguyễn Thị Thu T thanh toán cho bà số tiền vay vốn là 8.000.000 đồng (trong đó có 3.000.000 đồng tiền mượn). Rút lại yêu cầu về khoản lãi suất với số tiền 7.700.000 đồng. Đối với hợp đồng chuyển nhượng nhà ở - Đất ở nhằm đảm bảo vay nợ nêu trên, nay bà H không yêu cầu gì. Đối với văn bản nhận nợ của chị Lâm Tịnh N và bà Nguyễn Thị Thu T về số tiền 10 triệu đồng là bao gồm khoản tiền vay 3.000.000 đồng, trước đây do nhầm lẫn nên bà H trình bày thời gian vay là ngày 06/01/2019 âm lịch, thực chất khoản vay 3.000.000 đồng là vào ngày 06/12/2018 âm lịch. Hiện nay chị N đã thanh toán xong phần tiền nợ của chị N nên bà H không yêu cầu chị N có trách nhiệm thanh toán nợ, bà chỉ yêu cầu ông V và bà T thanh toán cho bà số tiền vốn vay còn nợ là 8.000.000 đồng.

- Vợ chồng ông Lâm Văn V, bà Nguyễn Thị Thu T và chị Lâm Tịnh N vắng mặt nên không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Theo Đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2019 và Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 15/10/2019, bà Phạm Ngọc H yêu cầu vợ chồng ông Lâm Văn V và bà Nguyễn Thị Thu T thanh toán số tiền vay còn nợ, tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Đối với vợ chồng ông Lâm Văn V, bà Nguyễn Thị Thu T và chị Lâm Tịnh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt vợ chồng ông V, bà T và chị N.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Xem xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc H: Tại Hợp đồng chuyển nhượng nhà – Đất ở ngày 13/12/2013 đối với căn nhà và đất tọa lạc tại khóm 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau với giá trị 20.000.000 đồng, được bà H, bà T và ông V ký tên và văn bản đề ngày 06/12/2018 có xác nhận của bà Nguyễn Thị Thu T và chị Lâm Tịnh N. Như vậy Hợp đồng chuyển nhượng nhà – Đất ở và việc vay mượn nợ giữa bà H, ông V và bà T thực tế xảy ra.

Sau khi chuyển nhượng thì vợ chồng ông V và bà T vay thêm của bà H số tiền 5.000.000 đồng. Cho đến nay vợ chồng ông V và bà T vẫn không giao nhà và đất cho bà H sử dụng. Ngoài ra, ngày 06/12/2018 (âm lịch) bà T có mượn thêm (vay không lãi) của bà H số tiền 3.000.000 đồng. Bà H xác định vợ chồng ông V và bà T đã thanh toán cho bà được 20.000.000 đồng, chị N đã thanh toán nợ cho bà xong rồi, bà T và ông V còn nợ lại tiền vốn của bà H là 8.000.000 đồng. Đối với vợ chồng ông V và bà T được Tòa án triệu tập hợp lệ để giải quyết vụ án nhưng cả hai đương sự vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Do đó, việc vay tiền từ bà H là có xảy ra và mặc nhiên được vợ chồng ông V và bà T thừa nhận. Vì vậy yêu cầu thanh toán khoản nợ vay gốc là 8.000.000 đồng của bà H đối với ông V và bà T là có căn cứ nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp vợ chồng ông Lâm Văn V và bà Nguyễn Thị Thu T chậm thanh toán khoản tiền nêu trên thì ông V và bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

- Mặc dù tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 5 năm 2019, nguyên đơn đã yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng ông Lâm Văn V và bà Nguyễn Thu T thanh toán số tiền 15.700.000 đồng, trong đó tiền vốn là 8.000.000 đồng, lãi suất 7.700.000 đồng. Nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chỉ buộc ông V, bà T thanh toán số nợ gốc bằng 8.000.000 đồng và

rút một phần yêu cầu đối với số tiền lãi suất. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu thanh toán nợ nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu của bà H về lãi suất với số tiền là 7.700.000 đồng, nếu sau này bà H khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Bà H không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

- Đối với Hợp đồng chuyển nhượng nhà - Đất ở đề ngày 13/12/2013 giữa bà H với vợ chồng ông V, bà T, do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, Hội đồng xét xử không xem xét là có cơ sở.

- Đối chị Lâm Tịnh N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, do bà H không yêu cầu trách nhiệm thanh toán nợ của chị N nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ của chị N là phù hợp.

[3]. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%, do yêu cầu của bà H được chấp nhận nên ông V và bà T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà H được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 463, 468, 469 của Bộ luật dân sự; Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Buộc vợ chồng ông Lâm Văn V và bà Nguyễn Thị Thu T phải liên đới thanh toán cho bà Phạm Ngọc H số tiền vay gốc là 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*).

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp vợ chồng ông V và bà T chậm thanh toán số tiền trên thì hàng tháng vợ chồng ông V và bà T còn phải chịu thêm khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu của bà Phạm Ngọc H về số tiền lãi suất chậm trả bằng 7.700.000 đồng, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%.

Vợ chồng ông Lâm Văn V và bà Nguyễn Thị Thu T phải liên đới chịu án phí với số tiền là 400.000 đồng.

Bà Phạm Ngọc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 24 tháng 05 năm 2019 bà Phạm Ngọc H đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 393.000 theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0016469 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, bà H được nhận lại toàn bộ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền